TAND HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2019/HS-ST
Ngày: 24/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mười.
2. Ông Lương Minh Côn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Khánh Ly, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2019/TLST - HS ngày 01 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn Q,** Sinh ngày 15/10/1983;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã N, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 08/12. Bố: Phạm Quốc V, Sinh năm 1952. Mẹ: Đỗ Thị B, Sinh năm 1953. Đều làm ruộng tại thôn Đ, xã N, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 4. Vợ: Trần Thị Ngân, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã N, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đại Từ. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa*.

* **Bị hại**: Chị Trần Thị N, sinh năm 1983. Trú quán: Xóm G, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt*).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979. Trú quán: Khu 5, phường Đ, TP Bắc Ninh (*Vắng mặt*).

2. Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1953. Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (*Có mặt*).

* **Người làm chứng**: Chị Trần Thị M, sinh năm 1983. Trú quán: Xóm C, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2019, thông qua mạng xã hội Facebook, Zalo, Phạm Văn Q quen biết với chị Trần Thị N. Sau đó chị N và Q phát sinh tình cảm yêu đương. Đến khoảng đầu tháng 7/2019 (không xác định được ngày cụ thể), chị N xuống thành phố Hà Nội gặp Q. Sau khi chị N vừa về nhà thì Q gọi điện thoại cho chị N hỏi vay số tiền 3.000.000 đồng, chị N đồng ý. Ngày 06/7/2019, chị N đã chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng cho Q thông qua tài khoản của anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1979, trú tại khu 5, phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh). Đến ngày 17/7/2019 khi chị N và Q đang thuê phòng nghỉ ở cùng nhau tại thành phố Hà Nội thì Q nói với chị N hiện tại Q cần số tiền 37.000.000 đồng để thanh toán tiền sắt cho công ty và bảo chị N mang chiếc xe mô tô của chị N đi cầm cố, lấy tiền cho Q vay. Chị N đồng ý và cùng Q đi đến cửa hàng cầm đồ có địa chỉ tại số 71, Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội. Chị N đã cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH Mode BKS 20F1 - 451.00 được 40.000.000 đồng và đưa số tiền trên cho Q. Sau khi nhận được tiền của chị N, Q bỏ đi và không liên lạc với chị N nữa. Chị N đã đến cửa hàng cầm đồ chuộc lại chiếc xe mô tô. Đến ngày 01/8/2019, Q tiếp tục liên lạc lại với chị N bằng số điện thoại 0983.029.125 và thông qua mạng xã hội Zalo, đăng ký bằng số điện thoại nêu trên, có tên hiển thị là "Phạm Văn Quý", xin lỗi chị N và hứa sẽ trả khoản tiền mà Q đã vay, chị N đồng ý. Sau đó Q và chị N tiếp tục liên lạc với nhau. Trong một lần nói chuyện giữa Q và chị N thông qua ứng dụng video của mạng xã hội Zalo, thì chị N đi tắm và vẫn tiếp tục nói chuyện với Q. Lúc này thấy chị N khỏa thân, không mặc quần áo, Q đã sử dụng chiếc điện thoại Sam Sung A7, màu đen, chụp lại những hình ảnh khỏa thân , bộ phận sinh dục của chị N và lưu lại trong điện thoại. Đến ngày 15/8/2019 do bản thân hết tiền tiêu xài, sau nhiều lần Q hỏi mượn tiền của chị N nhưng chị N không đồng ý, nên Q đã dùng những hình ảnh khỏa thân của chị N trước đó ghép thành 01 đoạn video ảnh động (gồm 06 ảnh khỏa thân, bộ phận sinh dục của chị N) gửi đến tài khoản Zalo của chị N, đồng thời đe dọa, uy hiếp chị N phải gửi cho Q số tiền 10.000.000 đồng trước 14 giờ ngày 19/8/2019, nếu chị N không gửi tiền, Q sẽ gửi đoạn video này cho bạn bè, người thân, đồng nghiệp của chị N và đưa lên mạng xã hội. Đến ngày 19/8/2019 chị N chưa có tiền gửi cho Q, Q tiếp tục sử dụng tài khoản Zalo có tên "Phạm Văn Quý" và số điện thoại 0983.029.125 liên tục nhắn tin đeo dọa, gây sức ép đến chị N. Do lo sợ Q gửi đoạn video trên đến người thân, bạn bè và đăng tải lên mạng xã hội, gây ảnh hưởng đến danh dự nên ngày 22/8/2019 chị N đã phải gửi số tiền 3.000.000 đồng vào số tài khoản 8706205069346 ngân hàng AgriBank, chủ tài khoản là Phạm Văn Q. Sau khi chị N chuyển tiền, Q đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Lo sợ Q tiếp tục đe dọa, ép buộc để cưỡng đoạt tiền nên sau khi chuyển tiền cho Q, chị Trần Thị N đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi tiếp nhận tố giác tội phạm của chị N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đã triệu tập Phạm Văn Q đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi cưỡng đoạt số tiền 3.000.000 đồng của chị Trần Thị N vào ngày 22/8/2019 như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 117/CT - VKS ngày 28/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Phạm Văn Q về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Q và đề nghị HĐXX Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*". *Áp dụng*: khoản 1 Điều 170; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. *Xử phạt*: bị cáo Phạm Văn Q mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan, bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét về hành vi của bị cáo: Do có quan hệ yêu đương nhau trên mạng xã hội Zalo từ trước nên đã nhiều lần Phạm Văn Q được chị Trần Thị N cho vay tiền. Tuy nhiên, do cho vay nhiều lần nhưng Q chưa thanh toán trả được cho chị N nên chị N không đồng ý cho vay khi Q tiếp tục có nhu cầu và đặt vấn đề. Vào khoảng đầu tháng 8/2019 (không xác định được ngày cụ thể) thông qua ứng dụng gọi điện video của mạng xã hội Zalo, Phạm Văn Q đã chụp lại được những hình ảnh khỏa thân, bộ phận sinh dục của chị N trong lúc chị N tắm. Sau đó Q đã ghép 06 hình ảnh nêu trên của chị Trần Thị N thành 01 đoạn video ảnh động. Ngày 15/8/2019 Q đã gửi đoạn video đến tài khoản Zalo của chị N để đe dọa, ép

buộc chị N chuyển cho Q số tiền 10.000.000 đồng trước 14 giờ ngày 19/8/2019. Vì sự đe dọa của Q, ngày 22/8/2019 chị N đã buộc phải chuyển cho Q số tiền 3.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Văn Q là người có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Bị cáo biết rõ việc đe dọa để cưỡng đoạt tài sản của chị Trần Thị N bằng thủ đoạn như trên là vi phạm pháp luật, nhưng do coi thường pháp luật, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. VKSND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Nội dung khoản 1 Điều 170 BLHS quy định:

"1. Người nào đe dọa dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".

Bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Cụ thể trong vụ án này, bị cáo Q đã trực tiếp đe dọa, uy hiếp về trinh thần và đã chiếm đoạt được số tiền 3000.000đ là tài sản của Trần Thị N. Hành vi của bị cáo gây bất bình trong dư luận xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã nhờ gia đình sửa chữa, khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị Trần Thị N; được phía người bị hại có đơn và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến và thờ cúng liệt sỹ. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo Q sinh ra trong gia đình lao động thuần túy; bản thân chưa có tiền án, tiền sự; được gia đình nuôi ăn học, có đầy đủ nhận thức đối với các việc làm đúng sai của bản thân nhưng do lười lao động, coi thường pháp luật và đạo đức lối sống nên đã cố tình thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

[6]. Về hình phạt: Bị cáo Phạm Văn Q là người chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Nhưng hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật và đạo đức lối sống. Vì vậy, cần thiết phải có mức hình phạt tù giam buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện dăn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình HĐXX cân nhắc, xem xét đến các yếu tố từ ý thức chủ quan của phía người bị hại đã tạo điều kiện cho bị cáo có động cơ, mục đích và điều kiện phạm tội để có mức hình phạt cho phù hợp, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố xác định số tiền 3.000.000 đồng chị N cho Q vay vào ngày 06/7/2019 và số tiền 40.000.000 đồng chị N cầm cố xe mô tô đưa cho Q vay vào ngày 17/7/2019 là giao dịch dân sự. Bị cáo Phạm Văn Q đã đã nhờ gia đình hoàn trả cho chị N số tiền 43.000.000

đồng nêu trên và bồi thường 3.000.000 đồng do Q cưỡng đoạt của chị N vào ngày 22/8/2019. Tại phiên tòa các bên không còn ý kiến yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[8]. Về vật chứng: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, mã số 9704 0507 7776 1763 mang tên PHẠM VAN Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, vỏ màu đen, model it2161, số Imei 1: 355802100052984, Imei 2: 355802100052992, lắp số thuê bao: 0983.029.125 và 0376.473.587.

Chiếc thẻ ATM đã được chị N chuyển 3000.000đ cho Q ngày 22/8/2019, được coi là một dạng tài sản có liên quan đến cả quyền lợi và nghĩa vụ của ngân hàng nên cần trả lại cho bị cáo.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng cần được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST sung quỹ Nhà nước.

[10]. Các nội dung có liên quan khác:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A7, màu đen Q sử dụng để chụp các hình ảnh khỏa thân của chị N, tạo video và sử dụng để nhắn tin, đe dọa, ép chị N chuyển tiền. Ngay sau khi cưỡng đoạt số tiền 3.000.000 đồng, Q đã mang chiếc điện thoại đến cầm cố tại cơ sở cầm đồ Đức Kiên, số 51 ngõ 53 đường Vũ Xuân Thiều, quận Sài Đồng, TP Hà Hội được số tiền 2.000.000đ và đã tiêu xài cá nhân hết. Do Q không có khả năng để lấy lại chiếc điện thoại như đã cầm cố nên cơ sở cầm đồ Đức Kiên đã bán chiếc điện thoại nêu trên cho một người không rõ họ tên, địa chỉ. Hiện chiếc điện thoại không thu hồi được.

Số tiền 3.000.000 đồng chị N cho Q vay vào ngày 06/7/2019 và số tiền 40.000.000 đồng chị N cầm cố xe mô tô đưa cho Q vay vào ngày 17/7/2019. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát huyện Đại Từ xác định là giao dịch dân sự nên không xem xét xử lý.

Anh Nguyễn Văn H được chị Trần Thị N chuyển 3000.000đ vào tài khoản theo đề nghị của Phạm Văn Q nhưng anh H không rõ nội dung, chỉ biết là do Q trả nợ. Mặt khác, nội dung trên không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không xem xét.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Q và chị Trần Thị N đều xác định khoản tiền 3.000.000 đồng chị N chuyển cho bị cáo Q ngày 06/7/2019 và 40.000.000 đồng chuyển ngày 17/7/2019 là giao dịch dân sự (*vay mượn*). Tuy nhiên, HĐXX kiến nghị với cơ quan điều tra và VKS nhân dân huyện Đại Từ tiếp tục điều tra làm rõ về các hành vi trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Phạm Văn Q** phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Pham Văn Q 06** (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2019.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự**: Ghi nhận việc bị cáo Phạm Văn Q đã bồi thường và hoàn trả xong cho chị Trần Thị N tổng số tiền là 46.000.000đ.

*** Về vật chứng**: Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Q 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, mã số 9704 0507 7776 1763 mang tên PHẠM VAN Q;

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, vỏ màu đen, model it2161, số Imei 1: 355802100052984, Imei 2: 355802100052992, lắp số thuê bao: 0983.029.125 và 0376.473.587 nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Đặc diểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 102/QĐ-VKSĐT ngày 28/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ;
- UBND xã N, huyện Văn Yên;
- Lưu VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên